ĐẠI HỌC HUẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

NGUYỄN VĂN DƯƠNG

PHÁP LUẬT VỀ GÓP VỐN KINH DOANH BẰNG QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP LÀ NHÃN HIỆU

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8 38 01 07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ - năm 2019

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Đoàn Đức Lương**

Phản biện 1: .....:.....

Phản biện 2: .....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng ..... năm.....

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU 1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài 1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài 2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu 6
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 6
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu 7
6. Những đóng góp mới của luận văn 8
7. Kết cấu của luận văn 8
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ KHUNG PHÁP LUẬT VỀ GÓP VỐN KINH DOANH BẰNG QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU 9
1.1. Khái niệm, đặc điểm của nhãn hiệu 9
1.2. Khái niệm và đặc điểm góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu 9
1.3. Khung pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu 9
1.4. Những yếu tố tác động đến thực hiện pháp luật góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu 9
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ GÓP VỐN KINH DOANH BẰNG QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU TẠI VIỆT NAM 10
2.1. Thực trạng pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu 10
2.1.1. Quy định pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu 10
2.1.2. Đánh giá pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu 10
2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu 10
2.2.1. Những kết quả đạt được trong việc áp dụng pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu 10
2.2.2. Những hạn chế tồn tại trong việc thực hiện pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu 11

2.2.3. Nguyên nhân của những hạn chế tồn tại trong việc áp dụng pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu 11
Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẰM NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ GÓP VỐN KINH DOANH BẰNG QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU 14
3.1. Nhu cầu hoàn thiện pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu.....14
3.1.1. Nhu cầu hoàn thiện pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu 14
3.1.2. Nhu cầu nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu.....14
3.2. Định hướng hoàn thiện pháp luật, thực hiện pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu 14
3.2.1. Đảm bảo tính thống nhất trong toàn bộ hệ thống pháp luật liên quan đến việc góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu 14
3.2.2. Đảm bảo tính tương thích đối với các điều ước quốc tế liên quan đến góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu 15
3.2.3. Bảo vệ quyền lợi chính đáng đối với tác giả và chủ sở hữu nhãn hiệu 15
3.2.4. Đảm bảo yêu cầu phát triển kinh tế thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh 15
3.2.5. Đảm bảo quyền tự do kinh doanh 15
3.3. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật, thực hiện pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu 16
3.3.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu 16
3.3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu 20

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đã là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – EU (EVFTA) và nhiều các Hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương khác. Điều này đồng nghĩa Việt Nam sẽ phải thích nghi và thực thi luật chơi chung của cả Thế giới trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực SHTT.

Ngày nay, tài sản trí tuệ (tài sản vô hình) đang chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu giá trị của một doanh nghiệp trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.Theo khảo sát của 3.500 công ty hàng đầu ở Mỹ, tạp chí Fortune lưu ý rằng tài sản vô hình chiếm 72% giá trị thị trường (so với chỉ 5% năm 1978).[1] Qua kết quả một nghiên cứu cho thấy, SHTT của Hoa Kỳ ngày nay có giá trị từ 5 nghìn tỷ USD[2] đến 5,5 nghìn tỷ USD, tương đương khoảng 45 phần trăm GDP[3] của Hoa Kỳ và lớn hơn GDP của bất kỳ quốc gia nào trên thế giới.[4]

Nhãn hiệu hàng hoá nội địa có lẽ là lợi thế cạnh tranh lớn nhất của các doanh nghiệp trong nước trước những doanh nghiệp nước ngoài mạnh về tài chính và công nghệ. Song, để cụ thế hoạ lợi thế cạnh tranh thì các nhãn hiệu cần được định giá và mang đi góp vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh giữa các doanh nghiệp trong nước với nhau cũng như giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài. Tuy nhiên, hành làng pháp lý cho hoạt động góp kinh doanh bằng quyền SHCN là nhãn hiệu chưa được quy định chặt chẽ, chi tiết đã gây rất nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Để thúc đẩy

[1]Richard Jones (2005), *Finding sources of brand value: Developing a stakeholder model of brand equity, 1479-1803 BRAND MANAGEMENT VOL. 13, NO. 1, 10–32 OCTOBER 2005*
[2] United States dollar – USD: Đơn vị tiền tệ chính thức của Hoa Kỳ.
[3]Gross Domestic Product – GDP: Tổng sản phẩm quốc nội
[4] Robert J. Shapiro, Kevin A. Hassett. *2009.* "The Economic Value ofIntellectual Property*"*.

hoạt động góp vốn nói riêng và hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung đòi hỏi pháp luật phải có những quy định cụ thể để bảo vệ quyền với lợi ích hợp pháp của các doanh nghiệp đối với các nhãn hiệu đang sở hữu. Xuất phát từ lý do đó, tác giả lựa chọn đề tài ***"Pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp là nhãn hiệu"*** làm để tài luận văn thạc sĩ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Thời gian qua, đã có một số công trình nghiên cứu về góp vốn bằng tài sản là quyền SHTT, song chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên biệt pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu. Qua quá trình nghiên cứu, tìm hiểu tác giả xin đề cập một số công trình nghiên cứu trong và ngoài nước như sau:

2.1. Một số công trình nghiên cứu trong nước

- Đinh Thị Mai Phương (chủ biên), Phan Thị Hải Anh, Điêu Ngọc Tuấn (2004), *Cẩm nang pháp luật về SHTT và chuyển giao công nghệ* - dùng cho doanh nghiệp, doanh nhân, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Đây có thể được xem như là một quyển sách cung cấp các kiến thức nền tảng về pháp luật SHTT và chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp – chủ thể liên quan trực tiếp đến vấn đề góp vốn.

- Đoàn Văn Trường (2007), *Các phương pháp thẩm định giá quyền SHTT*, Nhà Xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội. Nội dung của quyển sách khái quát chung về quyền SHTT ở Việt Nam, kinh nghiệm thế giới về quyền SHTT, thực trạng về quyền SHTT ở Việt Nam, đặc biệt quyển sách đã trình bày các phương pháp thẩm định giá quyền SHTT.

- Nguyễn Hồng Vân (2010), *Một số vấn đề về góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng nhãn hiệu,* Tạp chí Hoạt động Khoa học tháng 7.2017, Bộ Khoa học và Công Nghệ. Bài viết đề cập đến việc bên góp vốn

chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu cho bên nhận góp vốn để đổi lấy quyền được sở hữu phần vốn góp bằng giá trị quyền sử dụng nhãn hiệu.

- Hoàng Lan Hương (2012), *Khắc phục những bất cập của pháp luật Việt Nam về định giá tài sản trí tuệ,* Tạp chí Chính sách và Quản lý Khoa học và Công nghệ, ISSN 1859 – 3801, tập 1 số 2 2012, trang 62-72. Công trình đã hệ thống hoá được tất cả những công trình đã công bố trước đó liên quan đến vấn đề định giá tài sản trí tuệ bao gồm cả công trình trong nước và nước ngoài.

- Lê Minh Thái (2017), *Hoàn thiện quy định về định giá tài sản trí tuệ trong điều kiện hội nhập kinh tế*, Tạp chí Tài chính số ra ngày 22.7.2017 trong chuyên mục Nghiên cứu – Trao đổi. Tác giả bài viết đưa ra thực trạng quy định của pháp luật về định giá tài sản trí tuệ còn nhiều tồn tại nhiều bất cập như: các văn bản luật còn thiếu nhất quán trong cách hiểu về cụm từ "tài sản trí tuệ", mâu thuẫn trong quy định phân loại tài sản trí tuệ thành tài sản cố định vô hình để định giá và tính vào giá trị doanh nghiệp,...

- Phạm Đức Quảng (2011), *Áp dụng pháp luật về góp vốn bằng giá trị quyền SHTT ở Việt Nam,* Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội. Luận văn nghiên cứu và làm rõ các quy định về góp vốn bằng giá trị quyền SHTT theo pháp luật Việt Nam. Đưa ra những phân tích và đánh giá những điểm chưa phù hợp và những vấn đề bất cập trong việc góp vốn bằng giá trị quyền SHTT. Đề xuất những kiến nghị, giải pháp phù hợp để giải quyết những bất cập trong việc góp vốn bằng giá trị quyền SHTT.[5]

- Đoàn Thu Hồng (2012), *Góp vốn thành lập doanh nghiệp bằng quyền SHTT ở Việt Nam*, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội. Luận văn đã tiếp cận vấn đề góp vốn thành lập doanh nghiệp chi tiết theo hướng các quy định của pháp luật về góp vốn thành lập doanh nghiệp

[5]Phần tóm tắt của luận văn

bằng quyền SHTT bao gồm: chủ thể góp vốn, chủ thể nhận góp vốn, đối tượng góp vốn và điều kiện góp vốn, định giá quyền SHTT dùng để góp vốn, các thủ tục liên quan đến góp vốn bằng quyền SHTT, thủ tục chuyển giao tài sản vốn góp, thủ tục xử lý quyền SHTT khi chấp dứt việc góp vốn, về chứng từ và hạch toán quyền SHTT trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, hợp đồng góp vốn,...

- Tạ Thị Thanh Thuỷ (2012), *Góp vốn kinh doanh bằng tài sản trí tuệ theo pháp luật Việt Nam*, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội. Luận văn nghiên cứu vấn đề lý luận về tài sản trí tuệ, giá trị của tài sản trí tuệ và những yếu tố ảnh hưởng đến giá trị tài sản trí tuệ cũng như định giá tài sản trí tuệ. Nghiên cứu một cách có hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn của hoạt động góp vốn kinh doanh bằng tài sản trí tuệ. Đánh giá những ưu, nhược điểm của các quy định hiện hành đối với thực tiễn hoạt động góp vốn kinh doanh bằng tài sản trí tuệ. Đưa ra một số kiến nghị để hoàn thiện các quy định pháp luật và nâng cao hiệu quả góp vốn kinh doanh bằng tài sản trí tuệ.[6]

- Đào Thị Dung (2016)*, Pháp luật về góp vốn bằng quyền SHTT tại Việt Nam. Thực tiễn pháp lý và phương hướng hoàn thiện,* Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội. Luận văn trình bày các vấn đề cơ sở lý luận, thực trạng hoạt động góp vốn và một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả hoạt động góp vốn bằng quyền SHTT. Công trình đã trình bày thực trạng hoạt động góp vốn bằng quyền SHTT ở Việt Nam chủ yếu là sáng chế và nhãn hiệu.

- Trần Nam Long (2009), *Phương pháp định giá nhãn hiệu áp dụng tại Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học SHTT, Hà Nội. Nội dung của đề tài tập trung làm rõ nguyên tắc, nội dung và cách thức áp dụng phương pháp định giá nhãn

[6]Phần tóm tắt của luận văn

hiệu được áp dụng phổ biến trên thế giới và hướng dẫn áp dụng phương pháp đó cho nhãn hiệu được sử dụng tại Việt Nam.

- Nguyễn Hữu Cẩn (2014), *Nghiên cứu quy trình kỹ thuật định giá sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu áp dụng trong điều kiện Việt Nam,* Đề tài khoa học cấp Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học SHTT, Hà Nội. Nội dung của đề tài tập trung làm rõ căn cứ lý luận và thực tiễn về quy trình kỹ thuật định giá sáng chế/ kiểu dáng công nghiệp/ nhãn hiệu nhằm hướng dẫn thực hiện nghiệp vụ kỹ thuật định giá các dạng tài sản trí tuệ nói trên áp dụng trong điều kiện Việt Nam hiện nay.

2.2. Một số công trình nghiên cứu nước ngoài

- WIPO (2004), *Intellectual Property Handbook (Sổ tay SHTT),* ISBN 978-92-805-1291-5. Đây là quyển sách tập hợp đầy đủ nhất về SHTT bao gồm tất cả các đối tượng của quyền SHTT, vai trò của SHTT trong chương trình hợp tác, phát triển của WIPO, quản lý và giảng dạy SHTT, sự phát triển về công nghệ và pháp lý của SHTT,...

- Russell L. Parr (1994), *The Value of Trademarks (Giá trị của nhãn hiệu),* đăng trên tạp chí của Viện Luật pháp Hoa Kỳ (American Law Institute). Nội dung bài báo chủ yếu phân tích các giá trị của nhãn hiệu – một loại tài vô hình, tài sản trí tuệ trong một công ty và một nền kinh tế.

- Susan Chaplinsky (2002), *Methods of Intellectual Property Valuation (Các phương pháp định giá tài sản trí tuệ)*, đăng trên tạp chí của Trường Đại học Virginia Darden (University of Virginia Darden School Foundation). Bài viết đã đưa ra các phương pháp định giá tài sản trí tuệ và khảo sát trên một số đối tượng cụ thể của quyền SHTT.

2.3. Đánh giá các công trình nghiên cứu

Qua nghiên cứu, tác giả nhận thấy các công trình liệt kê ở trên đã đóng góp những giá trị nhất định. Tuy nhiên, những công trình này chỉ đề cập

đến những vấn đề chung hoặc đi sâu nghiên cứu một số vấn đề liên quan đến hoạt động góp vốn kinh doanh bằng nhãn hiệu như khái niệm quyền SHCN, nhãn hiệu, các điều kiện bảo hộ nhãn hiệu, định giá nhãn hiệu, bản chất của hoạt động góp vốn,... mà chưa tiếp cận một cách toàn diện pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu. Chính vì vậy, Luận văn "*Pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp là nhãn hiệu"* không trùng lắp với các công trình nghiên cứu trên.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả hoạt động góp vốn kinh doanh bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu trên cơ sở luận giải các vấn đề lý luận pháp luật và thực tiễn tực hiện góp vốn kinh doanh bằng nhãn hiệu ở Việt Nam.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu Luận văn đi giải quyết các nhiệm vụ sau:

- Làm rõ một số khái niệm cơ bản làm cơ sở cho việc nghiên cứu trong luận văn;
- Phân tích một số quy định về bảo hộ quyền SHCN đối với nhãn hiệu của một số quốc gia trên thế giới, so sánh với pháp luật Việt Nam;
- Các quy định về góp vốn kinh doanh bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu theo pháp luật Việt Nam;
- Đánh giá thực trạng pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu ở Việt Nam;

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Một số quan điểm, luận cứ khoa học; các quy định của pháp luật Việt Nam về góp vốn kinh doanh bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu, pháp luật quốc tế liên quan bao gồm: Hiệp

định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền sỡ hữu trí tuệ (TRIPS), Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP),..; thực tiễn hoạt động góp vốn kinh doanh bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi về thời gian:

+ Các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam được ban hành trong giai đoạn 2005-2018;

+ Các văn bản pháp luật quốc tế điều chỉnh về SHTT mà Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức và đã kí kết.

- Phạm vi về không gian: Tại Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Phương pháp luận nghiên cứu dựa trên cở sở phương pháp của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Quan điểm phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam.

5.1. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong Luận văn bao gồm:

- Phương pháp phân tích tài liệu: tác giả sử dụng tài liệu, bao gồm bài báo khoa học, sách chuyên khảo… đã được công bố, có liên quan đến đề tài Luận văn, trong đó có kế thừa những nghiên cứu đã công bố;

- Phương pháp phân tích, đánh giá được sử dụng trong chương 1 giới thiệu một số vấn đề lý luận và pháp luật điều chỉnh về góp vốn kinh doanh bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu;

- Phương pháp phân tích so sánh, phương pháp phân tích thông tin, phương pháp tổng hợp để hoàn thành chương 2 nhằm phân tích và làm rõ

thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệutại Việt Nam;

- Phương pháp phân tích so sánh, phương pháp tổng hợp, phương pháp mô hình giả định để hoàn thành chương 3 nhằm đưa ra những giải pháp hoàn thiện vấn đề cần nghiên cứu cả về góc độ lý luận và thực tiễn.

6. Những đóng góp mới của luận văn

- Về lý luận: Luận văn góp phần làm rõ các khái niệm SHCN, nhãn hiệu, bảo hộ quyền SHCN đối với nhãn hiệu, góp vốn kinh doanh, góp vốn kinh doanh bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu; Tổng hợp và làm rõ các quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế liên quan đến bảo hộ quyền SHCN đối với nhãn hiệu;

- Về thực tiễn: *Luận văn phân tích thực trạng quy định pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu tại Việt Nam; phân tích thực tiễn hoạt động góp vốn kinh doanh bằng nhãn hiệu tại Việt Nam; Phân tích các nguyên nhân và đưa ra giải pháp hoàn thiện pháp luật trên cơ sở đảm bảo hài hoà lợi ích của bên góp vốn và bên nhận góp vốn.*

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, nội dung của Luận văn được chia thành 3 chương:

Chương 1. Một số vấn đề lý luận và khung pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

Chương 2. Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực thực hiện về góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu tại Việt Nam

Chương 3. Định hướng và một số giải pháp hoàn thiện pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu.

Chương 1
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ KHUNG PHÁP LUẬT VỀ GÓP VỐN KINH DOANH BẰNG QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU

1.1. Khái niệm, đặc điểm của nhãn hiệu

Trong mục này, tác giả đã đề cập đến khái niệm và đặc điểm của nhãn hiệu.

1.2. Khái niệm và đặc điểm góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

Trong mục này, tác giả phân tích một số khái niệm và đặc điểm liên quan bao gồm: vốn, góp vốn, góp vốn kinh doanh bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu, pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu.

1.3. Khung pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

Trong mục này, tác giả điểm qua các quy định của pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu bao gồm: Phạm vi và điều kiện đối với nhãn hiệu sử dụng góp vốn, Chủ thể tham gia góp vốn bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu (bên góp vốn và bên nhận góp vốn), Trình tự, thủ tục góp vốn bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu.

1.4. Những yếu tố tác động đến thực hiện pháp luật góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

Trong mục này, tác giả phân tích 2 nhóm yếu tố: yếu tố pháp luật và yếu tố thực thi pháp luật.

Chương 2
THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ GÓP VỐN KINH DOANH BẰNG QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU TẠI VIỆT NAM

2.1. Thực trạng pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

2.1.1. Quy định pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

Trong mục này, tác giả phân tích thực trạng pháp luật về các vấn đề sau:

Một là, phạm vi và điều kiện đối với nhãn hiệu sử dụng góp vốn

Hai là, Chủ thể tham gia góp vốn bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

Ba là, trình tự, thủ tục góp vốn kinh doanh bằng bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

2.1.2. Đánh giá pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

Trong mục này tác giả đánh giá ưu và nhược điểm của pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

2.2.1. Những kết quả đạt được trong việc áp dụng pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

Trong mục này tác giả phân tích những kết quả đạt được trong việc áp dụng pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu thông qua các số liệu và vụ việc thực tế về hoạt

động góp vốn kinh doanh bằng nhãn hiệu. Trong đó có hai hình thức về góp vốn:

Một là, góp vốn bằng việc chuyển nhượng thương hiệu

Hai là, góp vốn bằng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu

Ba là, góp vốn bằng nhãn hiệu dưới hình thức liên doanh, liên kết

2.2.2. Những hạn chế tồn tại trong việc thực hiện pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

Thứ nhất, pháp luật về góp vốn bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu còn thiếu tính đồng bộ và chưa có hệ thống

Thứ hai, về chủ thể tham gia góp vốn bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu (bên góp vốn và bên nhận góp vốn)

Một là, chủ thể thực hiện góp vốn bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu còn bó hẹp

Hai là, quy định về chủ thể chịu trách nhiệm trong việc định giá sai TSTT chưa thật sự hợp lý

Thứ ba, về việc ghi nhận nhãn hiệu là tài sản cố định vô hình

Thứ tư, về phạm vi và điều kiện đối với nhãn hiệu sử dụng góp vốn

Thứ năm, về định giá nhãn hiệu

Thứ sáu, về trình tự, thủ tục góp vốn kinh doanh bằng bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

2.2.3. Nguyên nhân của những hạn chế tồn tại trong việc áp dụng pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

Những hạn chế, tồn tại trong việc áp dụng pháp luật về góp vốn bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu xuất phát từ hai nhóm nguyên nhân cơ bản sau:

Nguyên nhân chủ quan: Xuất phát từ nhận thức trong hoạt động bảo hộ quyền SHTT của các chủ thể quyền ở Việt Nam hiện nay. Trên thực tế, không phải chủ thể quyền nào cũng có nhận thức đúng về việc bảo hộ quyền SHTT của mình. Có rất nhiều trường hợp, các tổ chức, cá nhân sử dụng các quyền SHTT của mình mà không tiến hành thủ tục đăng ký bảo hộ. Chỉ đến khi đối tượng quyền SHTT đó bị người khác đăng ký bảo hộ và sử dụng thì doanh nghiệp mới quay lại để đi đòi quyền của mình. Chính vì việc không nhận thức được về việc đăng ký bảo hộ các đối tượng quyền SHTT đã làm hạn chế việc thực hiện quyền góp vốn bằng SHTT của các chủ thể.[7]

Nguyên nhân khách quan:

Một là, cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu bao cấp tồn tại trong một thời gian dài và còn ảnh hưởng tới hệ thống pháp luật của Việt Nam.

Hai là, góp vốn kinh doanh bằng quyền SHTT nói chung và nhãn hiệu nói riêng trở đã diễn ra phổ biến trên thế giới nhưng lại là hoạt động mới phát triển tại Việt Nam.

Ba là, xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, kinh tế toàn cầu đã khiến các quan hệ xã hội biến động khá sâu sắc và mạnh mẽ dẫn đến nhiều quy định của pháp luật nhanh chóng rơi vào tình trạng lạc hậu, không còn đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn đời sống kinh tế xã hội đòi hỏi phải nhanh chóng cập nhật, điều chỉnh.

Bốn là, tổ chức bộ máy cơ quan có thẩm quyền xây dựng pháp luật còn kém hiệu quả. Hoạt động xây dựng pháp luật cần được tiến hành đồng bộ ở tất cả các khâu như: khảo sát thực tiễn, nghiên cứu lý luận, soạn thảo, thẩm định văn bản, đánh giá tác động của văn bản đến các quan hệ xã hội… nên cần có đội ngũ đông đảo và chuyên nghiệp để đảm nhận công tác này.

Như vậy, bên cạnh những kết quả đạt được, quy định góp vốn bằng

[7]Đào Thị Dung (2016), *Pháp luật về góp vốn bằng quyền SHTT tại Việt Nam. Thực tiễn pháp lý và phương hướng hoàn thiện*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc Gia Hà Nội.

quyền SHTT còn tồn tại không ít những hạn chế, bất cập. Nhiều quy định chưa phù hợp với thực tiễn, nhiều quy định còn thiếu hoặc chưa rõ ràng trong Luật Doanh nghiệp, Luật SHTT, Luật Đầu tư và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành về góp vốn bằng quyền SHTT gây khó khăn cho các bên hữu quan và dễ làm nảy sinh tranh chấp. Những khó khăn, vướng mắc trên nếu không nhanh chóng được giải quyết thì nguy cơ quyền lợi của chủ thể góp vốn bị xâm phạm ngày càng tăng, cản trở sự phát triển lành mạnh, ổn định của nền kinh tế ViệtNam.

Chương 3
ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẰM NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ GÓP VỐN KINH DOANH BẰNG QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU

3.1. Nhu cầu hoàn thiện pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

3.1.1. Nhu cầu hoàn thiện pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

Một là, hoàn thiện pháp luật về chủ thể tham gia góp vốn

Hai là, hoàn thiện pháp luật về phạm vi và điều kiện đối với nhãn hiệu sử dụng góp vốn

Ba là, hoàn thiện pháp luật về định giá nhãn hiệu

Bốn là, hoàn thiện pháp luật về hợp đồng chuyển giao nhãn hiệu

Năm là, hoàn thiện pháp luật về trình tự, thủ tục góp vốn.

3.1.2. Nhu cầu nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

Để các quy định của pháp luật đi vào đời sống, thống nhất và tạo điều kiện thuận lợi cho các bên trong quan hệ góp vốn kinh doanh bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu thì cần phải đảm bảo trong quá trình tổ chức thực hiện.

3.2. Định hướng hoàn thiện pháp luật, thực hiện pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

3.2.1. Đảm bảo tính thống nhất trong toàn bộ hệ thống pháp luật liên quan đến việc góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

Yêu cầu đầu tiên và cũng là quan trọng nhất đó là đảm bảo tính thống nhất trong toàn bộ hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung và

thống nhất trong hệ thống pháp luật liên quan đến việc góp vốn kinh doanh bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu nói riêng.

3.2.2. Đảm bảo tính tương thích đối với các điều ước quốc tế liên quan đến góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

Đảm bảo tính thương thích đối với các điều điều ước quốc tế liên quan đến góp vốn kinh doanh bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu là một yêu cầu bắt buộc đối với việc hoàn thiện pháp luật nhằm thực hiện các cam kết mà Việt Nam đã ký kết.

3.2.3. Bảo vệ quyền lợi chính đáng đối với tác giả và chủ sở hữu nhãn hiệu

Bảo vệ quyền lợi chính đáng chính là bảo vệ động lực để các tác giả và chủ sở hữu tiếp tục phát triển hơn nữa các nhãn hiệu có giá trị, mang lại giá trị cho nền kinh tế quốc dân và thu hút đầu tư nước ngoài. Đặc biệt, trong thời điểm mà tỉ trọng của tài sản trí tuệ ngày càng cao trong cơ cấu giá trị các doanh nghiệp thì các nhãn hiệu có giá trị là lợi thế cạnh tranh lớn của các doanh nghiệp trong nước. Ví thế, hoàn thiện pháp luật phải đảm bảo yêu cầu bảo vệ quyền lợi chính đáng đối với tác giả và chủ sở hữu nhãn hiệu.

3.2.4. Đảm bảo yêu cầu phát triển kinh tế thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh

Nếu các chính sách pháp luật tốt, phù hợp với hình thái kinh tế xã hội thì sẽ giúp cho nền kinh tế phát triển, ngược lại, nếu các chính sách pháp luật lạc hậu, bất cập sẽ kìm hãm và hạn chế sự phát triển của nền kinh tế. Do đó, một yêu cầu quan trong khi hoàn thiện pháp luật đó là đảm bảo yêu cầu phát triển nền kinh tế thị trường.

3.2.5. Đảm bảo quyền tự do kinh doanh

Đảm bảo quyền tự do kinh doanh là một yêu cầu quan trọng trong việc hoàn thiện pháp luật và thực hiện pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu.

3.3. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật, thực hiện pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

3.3.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

Thứ nhất, hoàn thiện các quy định pháp luật về chủ thể góp vốn

Hiện nay, các quy định của pháp luật về chủ thể có quyền góp vốn bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu chưa cụ thể, rõ ràng. Hiện nay, căn cứ vào các quy định của Luật SHTT cho thấy chủ thể góp vốn bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu là chủ sở hữu hoặc chủ sử dụng đối với nhãn hiệu, người có quyền sử dụng đối với nhãn hiệu. Tuy nhiên, thực tế chưa có một văn bản pháp luật nào quy định cụ thể về các chủ thể góp vốn bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu. Vì vậy, pháp luật Việt nam cần bổ sung quy định về chủ thể góp vốn kinh doanh bằng quyền SHTT nói chung và nhãn hiệu nói riêng. Ngoài ra, cần có quy định mở hơn về việc ghi nhận quyền của người có TSTT là nhãn hiệu cụ thể như: người có đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ nhãn hiệu có quyền được chuyển giao, góp vốn kinh doanh bằng quyền nộp đơn, quyền đối với đơn đã nộp cho cá nhân, pháp nhân hoặc các chủ thể khác. Bởi lẽ, với việc quy định thời hạn thẩm định cấp văn bằng bảo hộ đối với nhãn hiệu mất từ 12 -14 tháng như hiện nay sẽ ảnh hưởng rất lớn đến quyền lợi hợp pháp của các chủ thể liên quan.

Thứ hai, hoàn thiện quy định về điều kiện góp vốn bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

Quyền SHCN đối với nhãn hiệu là một loại tài sản vô hình đặc biệt nên việc góp vốn bằng nhãn hiệu phải đáp ứng những điều kiện nhất định. Hiện nay, pháp luật Việt Nam chưa có quy định nào rõ ràng về điều kiện góp vốn bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu dẫn đến các trường hợp hợp đồng góp vốn bằng quyền SHTT bị tuyên là vô hiệu. Do

đó, pháp luật Việt Nam cần bổ sung các điều kiện góp vốn bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệunhư: Quyền SHCN đối với nhãn hiệu chỉ được góp vốn kinh doanh khi đảm bảo các điều kiện: được bảo hộ theo quy định của pháp luật Việt Nam; đang còn hiệu lực bảo hộ trên lãnh thổ Việt Nam; không phải là các đối tượng đang bị tranh chấp.

Thứ ba, hoàn thiện quy định về góp vốn bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu không hình thành pháp nhân

Hiện nay, Luật Doanh nghiệp 2014 mới chỉ có các quy định liên quan đến việc góp vốn thành lập doanh nghiệp. Trong khi đó, theo quy định của Luật Đầu tư 2014, quyền SHTT cũng là một trong những tài sản được quyền góp vốn kinh doanh giữa các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Các nhà đầu tư áp dụng hình thức đầu tư ký hợp đồng hợp tác kinh doanh nhằm phân chia lợi nhuận, phân chia sản phẩm mà không thành lập pháp nhân. Tuy nhiên, Luật đầu tư lại không có những quy định hướng dẫn thủ tục đối với trường hợp áp dụng hình thức góp vốn đầu tư kinh doanh không hình thành pháp nhân. Vì vậy, pháp luật Việt Nam cần ban hành nghị định, thông tư hướng dẫn chi tiết về trình tự, thủ tục góp vốn kinh doanh bằng quyền SHTT không hình thành pháp nhân.

Thứ tư, hoàn thiện quy định về định giá quyền SHCN đối với nhãn hiệu

Để định giá đúng và chính xác quyền SHCN đối với nhãn hiệu, pháp luật Việt Nam cần phải có những quy định cụ thể, chặt chẽ về quyền SHTT nói chung, phân loại và ghi nhận quyền SHTT, phương pháp đánh giá tái sản trí tuệ. Theo hướng dẫn số 4 của Ủy ban tiêu chuẩn thẩm định giá quốc tế, có ba phương pháp để thẩm định giá tài sản vô hình. Cụ thể là phương pháp chi phí, phương pháp thu nhập và phương pháp thị trường. Tuy nhiên, việc áp dụng phương pháp này không phù hợp với điều kiện kinh tế nước ta. Bởi vậy, chúng ta cần phải xây dựng những phương pháp xác định giá trị quyền SHTT trên cở sở học hỏi, kế

thừa quy định của Ủy ban tiêu chuẩn thẩm định giá quốc tế nhưng phải phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

Pháp luật Việt Nam cần xây dựng Bộ tiêu chuẩn đánh giá tài sản vô hình, trong đó có tài sản trí tuệ phù hợp với tiêu chuẩn về thẩm định giá của Việt Nam, làm căn cứ pháp lý phục vụ cho các hoạt động có liên quan tới giá trị quyền SHCN đối với nhãn hiệu (kế toán, tài chính doanh nghiệp, cổ phần hóa, liên doanh, góp vốn đầu tư, kinh doanh, giải quyết tranhchấp…).

Thứ năm, hoàn thiện các quy định về chứng từ và việc hạch toán quyền SHCN đối với nhãn hiệu trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp

Hiện nay, vướng mắc trong chuẩn mực kế toán số 4 của Bộ Tài chính là khó khăn mà rất nhiều doanh nghiệp mong mỏi được giải quyết. Theo đó, cần ban hành một văn bản quy phạm pháp luật thừa nhận quyền SHCN đối với nhãn hiệu là một tài sản vô hình của doanh nghiệp và hướng dẫn cách xác định giá trị nhãn hiệu để họ ghi nhận giá trị quyền SHCN đối với nhãn hiệu vào bảng cân đối kế toán của mình. Đồng thời, để có thể xác định chính xác giá trị tài sản này, hàng năm các doanh nghiệp có thể tiến hành định giá lại giá trị quyền SHCN đối với nhãn hiệu để có cơ sở hạch toán tài chính phù hợp. Đó là cơ sở pháp lý để góp vốn kinh doanh và thực hiện nhiều hoạt động khác như: liên doanh, liên kết, hợp tác kinh doanh, nhượng quyền thương mại...bằng giá trị quyền SHCN đối với nhãn hiệu phát triển và phát huy thế mạnh trong thời đại hội nhập kinh tế thế giới.

Thứ sáu, bổ sung quy định về hợp đồng góp vốn bằng quyền SHTT

Có thể nhận thấy rằng, góp vốn bằng quyền SHTT nói chung và nhãn hiệu nói riêng là một hoạt động mang tính chất đặc thù, có nhiều điểm khác biết so với việc góp vốn bằng tài sản hữu hình thông thường.

Dó đó, pháp luật Việt Nam nên có Nghị định hướng dẫn thủ tục góp vốn bằng quyền SHTT, trong đó có quy định về hợp đồng góp vốn bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu. Nội dung hợp đồng góp vốn bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu phải đầy đủ các điều khoản để đảm bảo tính pháp lý và bảo đảm quyền và lợi ích của các bên chủ thể liên quan. Nội dung của hợp đồng góp vốn bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu cần quy định cụ thể, chi tiết, đầy đủ các điều khoản cơ bản cụ thể như sau:

- Tên, địa chỉ của cácbên;
- Đối tượng quyền SHTT dùng để gópvốn;
- Thời hạn gópvốn;
- Giá trị quyền SHTT gópvốn;
- Thời điểm giao quyền sở hữu/sử dụng các đối tượng quyền SHTT dùng để góp vốn;
- Quyền của người thứ ba đối với tài sản góp vốn (nếucó);
- Quyền và trách nhiệm của các bên gópvốn;
- Nghĩa vụ của các bên khi vi phạm hợpđồng;
- Giải quyết tranhchấp…

Hợp đồng luôn giữ một vài trò quan trọng trong mọi giao dịch kinh doanh. Do đó, hợp đồng quy định càng rõ ràng, chi tiết, chặt chẽ càng thuận lợi cho các chủ thể tuân thủ, áp dụng và hạn chế tối đa rủi ro tranh chấp phát sinh sau này.

Thứ bảy, hoàn thiện quy định về thủ tục góp vốn bằng quyền SHTT đối với nhãn hiệu

Để tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể góp vốn, trong đó có chủ sở hữu quyền SHCN đối với nhãn hiệu khai thác được tối đa lợi ích từ nhãn hiệu, pháp luật doanh nghiệp cần quy định về điều kiện, thủ tục góp vốn bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu theo hướng bảo đảm sự phù hợp và thông thoáng của các quy định này. Ngoài ra, pháp luật cần

quy định rõ các thủ tục và thời điểm tiến hành việc chuyển giao quyền sở hữu/sử dụng quyền SHCN đối với nhãn hiệu sang cho bên nhận góp vốn. Đây chính là bằng chứng xác nhận việc một thành viên đã thực hiện việc góp vốn vào công ty, từ đó được hưởng các quyền và lợi ích phát sinh từ hành vi góp vốn.

3.3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

Để nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về góp vốn bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu, chúng ta cần tiếp tục thực hiện một số biện pháp sau:

Thứ nhất, tăng cường sự phối kết hợp quản lý chặt chẽ của các cơ quan quản lý nhà nước như: Sở kế hoạch đầu tư, Cục SHTT, Cơ quan quản lý thuế

Nhiệm vụ của các cơ quan này không chỉ là nắm bắt tình tình thực hiện pháp luật góp vốn kinh doanh bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu mà còn phải thường xuyên tổng kết đánh giá hoạt động góp vốn kinh doanh bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu, tổ chức nghiên cứu; từ đó, đề xuất, tư vấn sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu nhằm điều chỉnh kịp thời hoạt động góp vốn kinh doanh bằng quyền SHCN đói với nhãn hiệu, gắn liền với thực tiễn và nâng cao hiệu quả thực thi.

Thứ hai, tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của các cơ quan quản lý Nhà nước nhằm phát hiện và xử lý kịp thời, triệt để, nghiêm minh các trường hợp vi phạm pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu; đồng thời, nâng cao năng lực kiểm tra, giám sát việc thực hiện phápluật về góp vốn kinh doanh bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu, đảm bảo sự tuân thủ pháp luật và thúc đẩy nền kinh tế phát triển ổn định.

Thứ ba, tiếp tục công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo giục pháp luật cho các bên trong quan hệ góp vốn bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu nhằm nâng cao nhận thức về pháp luật, nắm được các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Để tăng cường hiệu quả thực thi pháp luật về ổn định, cần nâng cao nhận thức hiểu biết pháp luật của các nhà đầu tư, nắm được các quyền và lợi ích của các bên trong quan hệ góp vốn, từ đó, chủ động hơn trong việc thực hiện và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình khi tham gia vào quan hệ góp vốn bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu. Chúng ta hoàn toàn có thể sử dụng đồng bộ nhiều phương tiện, cách thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật khác nhau như: Tổ chức hội thảo, tọa đàm, cung cấp văn bản pháp luật mới trực tiếp tại các doanh nghiệp; đào tạo, tuyên truyền nội bộ; hoặc thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như đài truyền hình, đài tiếng nói, sử dụng công cụ báo chí, mạng xã hội… nhằm thúc đẩy sự phát triển hoạt động góp vốn bằng quyền SHCN đối với nhãn hiệu nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung.